

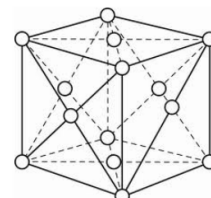
Cho biết nguyên tử khối của các nguyên tố:

H = 1; C = 12; N = 14; O = 16; P=31; Na = 23; Mg = 24; Al = 27; S = 32; Cl = 35,5; K = 39;
Ca = 40; Ba=137; Cr = 52; Mn = 55; Fe = 56; Cu = 64; Zn = 65; Br = 80; Ag = 108.

Câu 1. Kim loại X có cấu trúc mạng như hình bên:

Phần trăm thể tích không gian trống trong mạng lưới tinh thể của X là:

A. 32 %. B. 74 %. C. 26 %. D. 68 %.



Câu 2. Tiến hành thí nghiệm sau: Cho 1 ít bột đồng kim loại vào ống nghiệm chứa dung dịch FeCl_3 , lắc nhẹ ống nghiệm sẽ quan sát thấy hiện tượng nào sau đây?

A. Kết tủa sắt xuất hiện và dung dịch có màu xanh B. Không có hiện tượng gì xảy ra
C. Đồng tan và dung dịch có màu xanh D. Có khí màu vàng lục của Cl_2 thoát ra

Câu 3. Xà phòng hóa hoàn toàn 21,45 kg chất béo cần dùng 3 g NaOH, thu được 0,92 g glixerol và m (g) hỗn hợp muối natri. Giá trị của m là

A. 37,65. B. 26,10. C. 23,53. D. 22,72.

Câu 4. Cho 7,4 gam hỗn hợp tất cả các chất đồng phân $\text{C}_3\text{H}_6\text{O}_2$ đơn chức mạch hở có cùng số mol phản ứng với NaHCO_3 dư. Thể tích CO_2 thu được ở (đktc) là:

A. 0,75 lít B. 1,12 lít C. 0,56 lít D. 2,24 lít

Câu 5. Cho a mol bột kẽm vào dung dịch có hòa tan b mol $\text{Fe}(\text{NO}_3)_3$. Tìm điều kiện liên hệ giữa a và b để sau khi kết thúc phản ứng **không** có kim loại.

A. $b > 3a$ B. $a \geq 2b$ C. $b \geq 2a$ D. $b = 2a/3$

Câu 6. Cho hỗn hợp gồm Al, BaO và Na_2CO_3 (có cùng số mol) vào nước dư thu được dung dịch X và chất kết tủa Y. Chất tan trong dung dịch X là:

A. $\text{Ba}(\text{AlO}_2)_2$ và $\text{Ba}(\text{OH})_2$. B. NaAlO_2 .
C. NaOH và NaAlO_2 . D. NaOH và $\text{Ba}(\text{OH})_2$.

Câu 7. Hoà tan hoàn toàn 23,8 gam hỗn hợp một muối cacbonat của các kim loại hoá trị I và muối cacbonat của kim loại hoá trị II trong dung dịch HCl. Sau phản ứng thu được 4,48 lít khí (đkc). Đem cô cạn dung dịch thu được thì khối lượng muối khan là

A. 13 gam B. 15 gam C. 26 gam D. 30 gam

Câu 8. Cân bằng nào sau đây chuyển dịch theo chiều **thuận** khi tăng áp suất bằng cách nén hỗn hợp?

A. $\text{CaCO}_3 \rightleftharpoons \text{CaO} + \text{CO}_2(\text{khí})$ B. $\text{N}_2(\text{khí}) + 3\text{H}_2(\text{khí}) \rightleftharpoons 2\text{NH}_3(\text{khí})$
C. $\text{H}_2(\text{khí}) + \text{I}_2(\text{rắn}) \rightleftharpoons 2\text{HI}(\text{khí})$ D. $\text{S}(\text{rắn}) + \text{H}_2(\text{khí}) \rightleftharpoons \text{H}_2\text{S}(\text{khí})$

Câu 9. Dung dịch X chứa dung dịch NaOH 0,2M và dung dịch $\text{Ca}(\text{OH})_2$ 0,1M. Sục 7,84 lít khí CO_2 đkc vào 1 lít dung dịch X thì khối lượng kết tủa thu được là.

A. 15 gam B. 5 gam C. 10 gam D. 0 gam

Câu 10. Crackinh pentan một thời gian thu được 1,792 lít hỗn hợp X gồm 7 hidrocarbon. Thêm 4,48 lít H_2 vào X rồi nung với Ni đến phản ứng hoàn toàn thu được 5,6 lít hỗn hợp khí Y (thể tích khí đều đo ở đktc). Đốt cháy hoàn toàn Y rồi cho sản phẩm cháy hấp thụ vào dung dịch nước vôi trong dư, khối lượng kết tủa tạo thành là:

A. 25 g B. 35 g C. 30 g D. 20 g

Câu 11. Hỗn hợp nào khi hòa tan vào nước thu được dung dịch axit mạnh?

A. Al_2O_3 và Na_2O B. N_2O_4 và O_2 C. Cl_2 và O_2 D. SO_2 và HF

Câu 12. Hỗn hợp A gồm 2 kim loại X, Y có hoá trị không đổi. Cho hỗn hợp A phản ứng hoàn toàn với dung dịch HNO_3 dư thu được 1,12 lít khí NO là sản phẩm khử duy nhất. Nếu cho lượng hỗn hợp A trên phản ứng hoàn toàn với dung dịch HNO_3 nồng độ thấp hơn thì thu được V lít khí N_2 cũng là sản phẩm khử duy nhất. Các thể tích đều đo ở đktc. Giá trị của V là:

A. 0,224 lít B. 0,336 lít C. 0,448 lít D. 0,672 lít

Câu 13. Nung m gam đá vôi chứa 80% CaCO_3 về khối lượng (phần còn lại là tạp chất trơ) một thời gian thu được chất rắn chứa 45,65% CaO. Hiệu suất phân huỷ CaCO_3 là:

A. 50% B. 75% C. 80% D. 70%

Câu 14. Điện phân dung dịch CuSO_4 nồng độ 0,5M với điện cực trơ thì thu được 1 gam Cu. Nếu dùng dòng điện 1 chiều có cường độ 1A thì thời gian điện phân tối thiểu là:

A. 50 phút 15 giây B. 40 phút 15 giây C. 0,45 giờ D. 0,65 giờ

Câu 15. Cho 3,36 lít C_2H_2 (điều kiện tiêu chuẩn) đi qua dung dịch HgSO_4 ở 80°C thu được hỗn hợp sản phẩm hữu cơ A (hiệu suất 60%). Cho hỗn hợp sản phẩm A tác dụng với dung dịch $\text{Ag}_2\text{O}/\text{NH}_3$ dư thu được m gam chất rắn. Giá trị của m là:

A. 33,84 B. 48,24 C. 14,4 D. 19,44

Câu 16. Cho một luồng khí CO đi qua ống sứ đựng 0,04 mol hỗn hợp A gồm FeO và Fe_2O_3 đốt nóng. Sau khi kết thúc thí nghiệm thu được B gồm 4 chất nặng 4,784 gam. Khí ra khỏi ống sứ cho hấp thụ vào dung dịch $\text{Ba}(\text{OH})_2$ dư thì thu được 9,062 gam kết tủa. Phần trăm khối lượng Fe_2O_3 trong hỗn hợp A là:

A. 86,96% B. 16,04% C. 13,04% D. 6,01%

Câu 17. Hỗn hợp X gồm hai chất hữu cơ. X phản ứng với dung dịch KOH vừa đủ, cần dùng 100ml dung dịch KOH 5M. Sản phẩm phản ứng gồm muối của một axit cacboxylic đơn chức và hai ancol đơn chức. Cho toàn bộ lượng ancol tác dụng hết với Na thu được 8,96 lít H_2 (đktc). X gồm:

A. 1 axit và 1 ancol B. 1 este và 1 axit C. 2 este D. 1 este và 1 ancol

Câu 18. Khi cho Na dư vào dung dịch $\text{Fe}_2(\text{SO}_4)_3$, FeCl_2 , AlCl_3 thì có hiện tượng xảy ra ở cả 3 cốc là.

A. có kết tủa B. có khí thoát ra C. có kết tủa rồi tan D. không có hiện tượng gì

Câu 19. V lít khí A gồm H_2 và 2 olefin đồng đẳng liên tiếp, trong đó H_2 chiếm 60% về thể tích. Dẫn hỗn hợp A đi qua Ni nung nóng được hỗn hợp khí B. Đốt cháy hoàn toàn khí B được 19,8 gam CO_2 và 13,5 gam H_2O . Công thức của 2 olefin là

A. C_2H_4 và C_3H_6 B. C_3H_6 và C_4H_8 C. C_4H_8 và C_5H_{10} D. C_5H_{10} và C_6H_{12} .

Câu 20. Trong các phản ứng sau, phản ứng nào sai?

A. $\text{Al} + \text{NaOH} + 3\text{H}_2\text{O} \rightarrow \text{NaAlO}_2 + 3/2\text{H}_2$ B. $\text{Al}_2\text{O}_3 + 2\text{NaOH}$ nóng chảy $\rightarrow \text{NaAlO}_2 + \text{H}_2\text{O}$

C. $\text{NaAlO}_2 + \text{CO}_2 \rightarrow \text{Al}(\text{OH})_3 + \text{NaHCO}_3$ D. $\text{Al}_2\text{O}_3 + 3\text{CO} \rightarrow 2\text{Al} + 3\text{CO}_2$

Câu 21. Hai bình chứa dung dịch $\text{Ca}(\text{OH})_2$ và dung dịch NaHCO_3 với khối lượng bằng nhau được đặt lên 2 đĩa cân, cân thăng bằng. Để ngoài không khí 1 thời gian thì cân bị lệch về phía nào?

A. Cân lệch về phía dung dịch CaCl_2 B. Cân lệch về phía dung dịch $\text{Ca}(\text{OH})_2$

C. Cân không lệch về phía dung dịch nào D. Không xác định được chính xác

Câu 22. Cho axit oxalic tác dụng với hỗn hợp 2 ancol đơn chức no đồng đẳng liên tiếp thu được 5,28 gam hỗn hợp 3 este đa chức. Thủy phân lượng este trên bằng dung dịch NaOH dư thu được 5,36 gam muối. 2 ancol có công thức là

A. CH_3OH và $\text{C}_2\text{H}_5\text{OH}$ B. $\text{C}_2\text{H}_5\text{OH}$ và $\text{C}_3\text{H}_7\text{OH}$

C. $\text{C}_3\text{H}_7\text{OH}$ và $\text{C}_4\text{H}_9\text{OH}$ D. $\text{C}_4\text{H}_9\text{OH}$ và $\text{C}_5\text{H}_{11}\text{OH}$

Câu 23. Cho hỗn hợp A gồm Al, Zn, Mg. Đem oxi hoá hoàn toàn 28,6 gam A bằng oxi dư thu được 44,6 gam hỗn hợp oxit B. Hoà tan hết B trong dung dịch HCl thu được dung dịch D. Cô cạn dung dịch D được hỗn hợp muối khan có khối lượng là.

A. 99,6 gam B. 49,8 gam C. 74,7 gam D. 100,8 gam

Câu 24. Dãy gồm các chất đều phản ứng được với dung dịch CuCl_2 là:

A. NaOH, Fe, Mg, Hg B. $\text{Ca}(\text{OH})_2$, Mg, Ag, AgNO_3

C. NaOH, Fe, Mg, AgNO_3 , Ag, $\text{Ca}(\text{OH})_2$ D. NaOH, Fe, Mg, AgNO_3 , $\text{Ca}(\text{OH})_2$

Câu 25. Cho hỗn hợp CuO và Fe vào dung dịch HNO_3 loãng nguội thu được dung dịch X, chất khí Y và một chất rắn không tan Z. Cho NaOH vào dung dịch X được kết tủa T. Kết tủa T chứa:

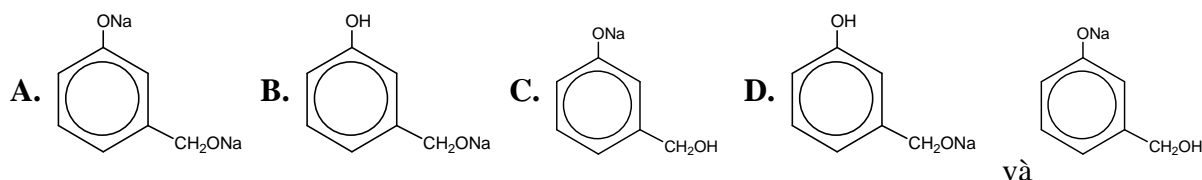
A. $\text{Fe}(\text{OH})_3$ và $\text{Cu}(\text{OH})_2$ B. $\text{Fe}(\text{OH})_2$ và $\text{Cu}(\text{OH})_2$ C. $\text{Fe}(\text{OH})_2$ D. $\text{Cu}(\text{OH})_2$

Câu 26. Hỗn hợp X gồm saccarozơ và glucozơ cùng số mol được đun nóng với Ag_2O dư/dung dịch NH_3 thu được 3 gam Ag. Nếu thủy phân hoàn toàn hỗn hợp rồi mới cho sản phẩm thực hiện phản ứng tráng bạc thì lượng Ag tối đa có thể thu được là:

A. Vẫn 3 gam B. 6 gam C. 4,5 gam D. 9 gam

- Câu 27.** Mỗi phân tử và ion trong dãy nào vừa có tính axit, vừa có tính bazơ
A. HSO_4^- , Al_2O_3 , HCO_3^- , H_2O , CaO B. NH_4^+ , HCO_3^- , CO_3^{2-} , CH_3COO^- .
C. HCO_3^- , Al_2O_3 , Al^{3+} , BaO . D. $\text{Zn}(\text{OH})_2$, $\text{Al}(\text{OH})_3$, HCO_3^- , H_2O .
- Câu 28.** Nitro hoá benzen được 14,1 gam hỗn hợp 2 chất nitro có phân tử khối hơn kém nhau là 45 (u). Đốt cháy hoàn toàn hỗn hợp hai chất nitro này được 0,07 mol N_2 . 2 chất nitro đó là
A. $\text{C}_6\text{H}_5\text{NO}_2$ và $\text{C}_6\text{H}_4(\text{NO}_2)_2$ B. $\text{C}_6\text{H}_4(\text{NO}_2)_2$; $\text{C}_6\text{H}_3(\text{NO}_2)_3$
C. $\text{C}_6\text{H}_3(\text{NO}_2)_3$; $\text{C}_6\text{H}_2(\text{NO}_2)_4$ D. $\text{C}_6\text{H}_2(\text{NO}_2)_4$; $\text{C}_6\text{H}(\text{NO}_2)_5$
- Câu 29.** Biết rằng ion Pb^{2+} trong dung dịch oxi hóa được Sn. Khi nhúng hai thanh kim loại Pb và Sn được nối với nhau bằng dây dẫn điện vào một dung dịch chất điện li thì
A. cả Pb và Sn đều bị ăn mòn điện hóa B. cả Pb và Sn đều không bị ăn mòn điện hóa
C. chỉ có Pb bị ăn mòn điện hóa D. chỉ có Sn bị ăn mòn điện hóa
- Câu 30.** X là hỗn hợp gồm propan, xiclopropan, butan và xiclobutan. Đốt m gam X thu được 63,8 gam CO_2 và 28,8 gam H_2O . Thêm H_2 vừa đủ vào m gam X rồi đun nóng với Ni thu được hỗn hợp Y có tỉ khối so với H_2 là 26,375. Tỉ khối của X so với H_2 là:
A. 23,95 B. 25,75 C. 24,52 D. 22,89
- Câu 31.** Oxi hóa hoàn toàn 0,01 mol CrCl_3 thành K_2CrO_4 bằng Cl_2 khi có mặt KOH, lượng tối thiểu Cl_2 và KOH tương ứng là .
A. 0,015 mol và 0,04 mol B. 0,015 mol và 0,08 mol
C. 0,03 mol và 0,08 mol D. 0,03 mol và 0,04 mol
- Câu 32.** Xác định các chất C biết A, B, C, D... là các chất vô cơ hoặc hữu cơ thỏa mãn:
$$\text{A} \xrightarrow{600^\circ\text{C}} \text{B} + \text{C} \qquad \text{B} + \text{H}_2\text{O} \rightarrow \text{D} \qquad \text{E} + \text{F} \rightarrow \text{A}$$
$$2\text{D} \xrightarrow{\text{xt, t}^\circ} \text{E} + \text{F} + 2\text{H}_2\text{O} \qquad n\text{E} \xrightarrow{\text{to, p, xt}} \text{Cao su Buna.}$$

A. $\text{C}_2\text{H}_5\text{OH}$ B. CH_3CHO C. C_2H_6 D. C_6H_6
- Câu 33.** Dãy gồm các chất có thể trực tiếp tạo ra axit axetic là:
A. $\text{C}_2\text{H}_5\text{OH}$, CH_3CHO , CH_3OH . B. $\text{C}_6\text{H}_5\text{CH}(\text{CH}_3)_2$, HCHO , $\text{CH}_3\text{COOCH}_3$.
C. $\text{CH}_3\text{COOC}_2\text{H}_5$, CH_3COONa , HCOOCH_3 . D. C_2H_2 , CH_3CHO , CH_3CHCl_3 .
- Câu 34.** Dãy nào sau đây sắp xếp các chất theo trật tự tăng dần nhiệt độ sôi?
A. $\text{HCOOCH}_3 < \text{CH}_3\text{COOCH}_3 < \text{C}_3\text{H}_7\text{OH} < \text{CH}_3\text{COOH} < \text{C}_2\text{H}_5\text{COOH}$
B. $\text{CH}_3\text{COOCH}_3 < \text{HCOOCH}_3 < \text{C}_3\text{H}_7\text{OH} < \text{CH}_3\text{COOH} < \text{C}_2\text{H}_5\text{COOH}$
C. $\text{HCOOCH}_3 < \text{CH}_3\text{COOCH}_3 < \text{C}_3\text{H}_5\text{OH} < \text{C}_2\text{H}_5\text{COOH} < \text{CH}_3\text{COOH}$
D. $\text{C}_2\text{H}_5\text{COOH} < \text{CH}_3\text{COOH} < \text{C}_3\text{H}_7\text{OH} < \text{CH}_3\text{COOCH}_3 < \text{HCOOCH}_3$
- Câu 35.** Hỗn hợp Y gồm 2 este đơn chức mạch hở là đồng phân của nhau. Cho m gam hỗn hợp Y tác dụng vừa đủ với 100ml dung dịch NaOH 0,5M thu được muối của 1 axit cacbonxylic và hỗn hợp 2 ancol. Mặt khác đốt cháy hoàn toàn m gam hỗn hợp Y cần dùng 5,6 lít O_2 và thu được 4,48 lít CO_2 (các thể tích đo ở đkc). Công thức cấu tạo của 2 este trong hỗn hợp Y là:
A. $\text{CH}_3\text{COOCH}_3$ và HCOOC_2H_5 B. $\text{C}_2\text{H}_5\text{COOCH}_3$ và HCOOC_3H_7
C. $\text{CH}_3\text{COOCH}_3$ và $\text{CH}_3\text{COOC}_2\text{H}_5$ D. $\text{HCOOCH}_2\text{-CH}_2\text{-CH}_3$ và $\text{HCOO-CH}(\text{CH}_3)\text{-CH}_3$
- Câu 36.** Trường hợp nào sau đây có hiện tượng đổi màu liên quan đến tính chất hóa học của gluxit?
A. Cho dung dịch KI vào dung dịch hồ tinh bột không màu.
B. Nhỏ H_2SO_4 đặc vào miếng giấy lọc màu trắng.
C. Đun nóng dung dịch đồng (II) saccarat màu xanh với NaOH loãng.
D. Đun nóng xenlulozơ trong dung dịch HNO_3 loãng.
- Câu 37.** Một heptapeptit có công thức: Pro-Pro-Gly-Arg-Phe-Ser-Phe-Pro. Khi thủy phân không hoàn toàn peptit này thu được tối đa mấy loại peptit có aminoaxit đầu N là phenylalanin (Phe)?
A. 4. B. 3. C. 6. D. 5.
- Câu 38.** Cho 1 mol m-HO-C₆H₄-CH₂OH tác dụng với 1 mol Na sau đó thêm dung dịch NaOH dư. Sản phẩm tạo ra là:



Câu 39. Cho 15 gam glyxin tác dụng vừa đủ với 8,9 gam alanin thu được m gam hỗn hợp tripeptit mạch hở. Giá trị của m là

- A. 22,10 gam B. 23,9 gam C. 20,3 gam D. 18,5 gam

Câu 40. Cho từ từ V lít dung dịch Na_2CO_3 1M vào V_1 lít dung dịch HCl 1M thu được 2,24 lít CO_2 (đktc). Cho từ từ V_1 lít HCl 1M vào V lít dung dịch Na_2CO_3 1M thu được 1,12 lít CO_2 (đktc). Vậy V và V_1 tương ứng là:

- A. V = 0,25 lít ; V_1 = 0,2 lít. B. V = 0,15 lít ; V_1 = 0,2 lít.
C. V = 0,2 lít ; V_1 = 0,15 lít. D. V = 0,2lít ; V_1 = 0,25 lít.

Câu 41. Dung dịch NaOH và dung dịch CH_3COONa có cùng nồng độ mol/l. Giá trị pH của hai dung dịch tương ứng là x và y. Quan hệ giữa x và y là (giả sử cứ 100 ion CH_3COO^- thì có 1 ion thủy phân).

- A. $y = 100x$ B. $y = 2x$ C. $y = x + 2$ D. $y = x - 2$

Câu 42. Hỗn hợp khí SO_2 và O_2 có tỉ khối so với CH_4 bằng 3. Cần bao nhiêu lít O_2 vào 20 lít hỗn hợp khí đó để cho tỉ khối so với CH_4 tức bằng 2,5. Các khí đo ở cùng điều kiện.

- A. 10 B. 20 C. 30 D. 40

Câu 43. Cho sơ đồ: $X \xrightarrow{+2\text{H}_2} Y \xrightarrow{+\text{CuO}} Z \xrightarrow{+\text{O}_2} \text{Axit 2-metylpropanoic}$
X có thể là chất nào sau đây?

- A. $\text{OHC} - \text{C}(\text{CH}_3) - \text{CHO}$ B. $\text{CH}_3 - \text{CH}(\text{CH}_3) - \text{CHO}$
C. $\text{CH}_2 = \text{C}(\text{CH}_3) - \text{CHO}$ D. $\text{CH}_3 - \text{CH}(\text{CH}_3) - \text{CH}_2\text{OH}$.

Câu 44. Cho các chất sau: $\text{CH}_3 - \text{CHOH} - \text{CH}_3$ (1), $(\text{CH}_3)_3\text{C} - \text{OH}$ (2),
 $(\text{CH}_3)_2\text{CH} - \text{CH}_2\text{OH}$ (3), $\text{CH}_3\text{COCH}_2\text{CH}_2\text{OH}$ (4), $\text{CH}_3\text{CHOHCH}_2\text{OH}$ (5).

Chất nào bị oxi hoá bởi CuO tạo ra sản phẩm có phản ứng tráng bạc?

- A. 1,2,3 B. 2,3,4 C. 3,4,5 D. 1,4,5

Câu 45. Hợp chất hữu cơ X có công thức phân tử là $\text{C}_2\text{H}_4\text{O}_2$. X có thể tham gia phản ứng tráng bạc, tác dụng với Na giải phóng H_2 , nhưng không tác dụng với NaOH. Vậy CTCT của X là:

- A. $\text{HO} - \text{CH}_2 - \text{CHO}$ B. HCOOCH_3 C. CH_3COOH D. $\text{HO} - \text{CH} = \text{CH} - \text{OH}$

Câu 46. Hoà tan 0,1 mol Cu kim loại trong 120 ml dung dịch X gồm HNO_3 1M và H_2SO_4 0,5M. Sau khi phản ứng kết thúc thu được V lít khí NO duy nhất (đkc). Giá trị của V là.

- A. 1,344 B. 1,49 C. 0,672 D. 1,12

Câu 47. A là một este đơn chức không tham gia phản ứng tráng bạc, khi thủy phân hoàn toàn 4,3 gam A bằng dung dịch NaOH vừa đủ rồi chưng cất sản phẩm được muối B và phần bay hơi C. Cho C phản ứng với $\text{Cu}(\text{OH})_2$ dư trong điều kiện thích hợp thu được 7,2 gam kết tủa đỏ gạch. Khối lượng của muối thu được là:

- A. 3,4 gam B. 6,8 gam C. 3,7 gam D. 4,1 gam

Câu 48. Cho 17,5g một ankyl amin tác dụng với dung dịch FeCl_3 dư thu được 10,7g kết tủa. Công thức của ankyl amin là:

- A. CH_3NH_2 B. $\text{C}_4\text{H}_9\text{NH}_2$ C. $\text{C}_3\text{H}_9\text{N}$ D. $\text{C}_2\text{H}_5\text{NH}_2$

Câu 49. Đun nóng 2 ancol đơn chức X, Y với H_2SO_4 đặc được hỗn hợp gồm 3 ete. Lấy ngẫu nhiên 1 ete trong số 3 ete đó đem đốt cháy hoàn toàn thu được 6,6 CO_2 và 3,6 H_2O . Khẳng định đúng nhất về X, Y:

- A. X, Y gồm 2 ancol đơn chức no B. X, Y gồm 2 ancol đơn chức có số cacbon bằng nhau
C. X, Y là CH_3OH ; $\text{C}_2\text{H}_5\text{OH}$ D. X, Y là $\text{C}_2\text{H}_5\text{OH}$; $\text{C}_3\text{H}_7\text{OH}$

Câu 50. Dung dịch X gồm AgNO_3 và $\text{Cu}(\text{NO}_3)_2$ có cùng nồng độ mol. Lấy một lượng hỗn hợp gồm 0,03 mol Al và 0,05 mol Fe cho vào 100ml dung dịch X cho tới khi phản ứng kết thúc thu được chất rắn Y chứa 3 kim loại. Cho Y vào dung dịch HCl dư giải phóng 0,07 gam khí. Nồng độ mol của 2 muối là:

- A. 0,3 M B. 0,4 M C. 0,42 M D. 0,45 M

-----Hết-----

ĐÁP ÁN ĐỀ THI THỬ ĐẠI HỌC LẦN I-NĂM HỌC 2013-2014
MÔN THI: HÓA HỌC

Câu	Mã đề 111	Mã đề 222	Mã đề 333	Mã đề 444
1.	C	D	B	B
2.	C	D	A	D
3.	D	A	A	B
4.	A	D	D	A
5.	C	B	C	A
6.	C	B	D	A
7.	C	C	D	D
8.	B	A	A	B
9.	B	A	D	A
10.	A	D	B	D
11.	B	C	B	B
12.	B	C	C	A
13.	B	B	A	A
14.	A	B	A	D
15.	A	A	D	C
16.	A	B	B	D
17.	D	B	A	D
18.	B	B	C	A
19.	A	A	C	D
20.	D	A	B	B
21.	B	A	D	B
22.	A	D	B	A
23.	A	C	C	C
24.	D	C	C	C
25.	C	B	D	B
26.	D	C	A	B
27.	D	C	D	C
28.	A	D	C	A
29.	D	A	C	A
30.	B	C	B	D
31.	B	B	C	D
32.	C	A	C	B
33.	A	C	D	C
34.	A	C	A	C
35.	D	B	C	D
36.	B	D	C	C
37.	A	B	C	C
38.	C	C	B	B
39.	C	C	B	B
40.	B	A	A	B
41.	D	A	B	C

42.	B	D	D	C
43.	C	B	B	D
44.	C	A	A	A
45.	A	D	A	C
46.	A	B	A	A
47.	D	A	D	D
48.	C	A	B	C
49.	C	D	A	C
50.	B	C	D	A